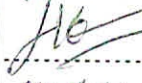
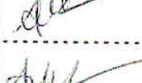
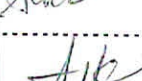
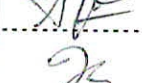
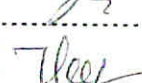
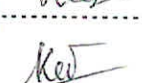
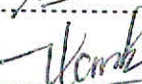
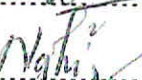
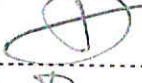
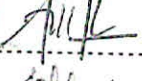
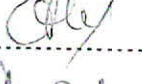


DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LLCT - HC HỆ TẬP TRUNG
KHÓA HỌC 2018, MỞ TẠI TRUNG TÂM HL & BDNV CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK

Thi phần V.1: Một số vấn đề cơ bản trong lãnh đạo,
quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

Thời gian làm bài: 135 phút;

Ngày thi: Ngày 27 tháng 9 năm 2019;

Sbd	Họ và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Y Xanh	Adrong	03/6/1988	02		22	810	Tam
02	Y Thir	Adrong	23/7/1988	02		39	775	Bảy, bảy năm
03	Nay Y	Am	26/6/1985	01		30	725	Bảy, hai năm
04	Lê Tấn	An	12/5/1994	1		60	705	Bảy, năm
05	Phạm Ngọc	Anh	19/12/1993	1		53	725	Bảy, hai năm
06	Y Thoen	Ayun	28/10/1991	02		32	775	Bảy, bảy năm
07	Y Ngọc	Ayun	15/7/1984	02		54	715	Bảy, năm
08	Triệu Văn	Bình	26/3/1984	02		71	705	Bảy, năm
09	Y Thê	Buôn Dap	23/9/1995	02		31	705	Bảy, năm
10	Y Kéo	Byã	20/12/1993	02		8	825	Tam, hai năm
11	Nông Thanh	Cảnh	09/5/1993	02		15	810	Tam
12	Trần Văn	Chung	05/8/1991					
13	Nguyễn Văn	Cường	04/04/1988	02		02	705	Bảy, năm
14	Hà Vũ	Đại	10/10/1990	02		11	810	Tam
15	Ngô Kim	Đăm	10/01/1996	02		30	825	Tam, hai năm
16	Nguyễn Văn	Đàn	18/5/1983	02		38	775	Bảy, bảy năm
17	Lê Bảo	Dòng	16/8/1986	01		59	725	Bảy, hai năm
18	Nguyễn Văn	Đồng	26/4/1982	02		4	825	Tam, hai năm
19	Lộc Văn	Du	17/5/1990	02		67	705	Bảy, năm



Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Y Nhị Thần Du	24/10/1994	01		70	7.25	Bảy, hai năm
21	Chu Đình Đức	10/10/1986	02		2	8.0	Tám
22	Trịnh Quang Dương	15/8/1996	02		17	7.75	Bảy, bảy năm
23	Y Na Êban	01/02/1979	02		16	8.0	Tám
24	Y Đen Êban	20/4/1990	02		65	7.25	Bảy, hai năm
25	H' Hiệp Glan	13/9/1992	02		9	8.25	Tám, hai năm
26	Triệu Văn Hải	26/12/1982	02		13	8.5	Tám, năm
27	Nguyễn Văn Hiên	06/5/1990	02		25	8.0	Tám
28	Trà Tấn Hiếu	10/4/1993	01		35	7.25	Bảy, hai năm
29	Y Grễn Hmok	15/6/1987	01		36	7.25	Bảy, hai năm
30	Y Thu Hmők	10/8/1982	03		7	8.5	Tám, năm
31	Lê Quốc Hòa	26/9/1992	01		16	7.0	Bảy
32	Nguyễn Văn Hoài	16/12/1983	02		18	8.0	Tám
33	Phùng Văn Hoan	22/10/1989	02		14	8.0	Tám
34	Lê Hoàng	27/8/1993	02		14	7.5	Bảy, năm
35	Nông Văn Học	02/01/1986	01		51	7.0	Bảy
36	Nguyễn Mạnh Hùng	04/10/1985	02		55	7.75	Bảy, bảy năm
37	Hoàng Huy Hùng	14/7/1992	02		63	7.5	Bảy, năm
38	Ngô Mạnh Hùng	06/9/1995	02		12	8.25	Tám, hai năm
39	Nguyễn Anh Hùng	06/10/1986	02		15	8.25	Tám, hai năm
40	Phạm Trường Huy	16/07/1990	Không học môn này				
41	Phạm Phi Khánh	12/05/1995	Nghỉ học				
42	Nguyễn Trịnh Khoa	30/10/1988	02		73	7.75	Bảy, bảy năm
43	Nguyễn Ngọc Quý Linh	03/11/1996	02		19	8.0	Tám
44	Lữ Đình Long	10/4/1984	04		37	7.0	Bảy
45	Trần Văn Long	21/02/1990	02		18	8.0	Tám

Sbd	Họ và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
46	Nguyễn Thanh Minh	26/9/1987	02		72	7/75	Bảy, bảy năm
47	Y Cường	13/6/1987	01		58	7/25	Bảy, hai năm
48	Trần Hữu Nam	02/02/1990	02		26	8/5	Tám, năm
49	Trần Phương Nam	02/01/1992	Nghỉ học				
50	Ma Văn Nghĩa	01/8/1992	02		33	7/75	Bảy, bảy năm
51	Trương Hữu Nghĩa	03/10/1989	02		69	7/5	Bảy, năm
52	Nguyễn Văn Nguyễn	11/8/1992	02		17	8/0	Tám
53	Y Phước Niê	13/01/1990	Nghỉ học				
54	Y Mop Niê	10/01/1988	02		6	8/5	Tám, năm
55	Y Dhiêu Pang Sur	21/7/1983	02		5	8/0	Tám
56	Nguyễn Đình Phát	10/1/1993	Không học môn này				
57	Phan Trần Phú	01/01/1990	02		57	8/0	Tám
58	Nguyễn Gia Quốc	02/02/1985	02		1	8/25	Tám, hai năm
59	Võ Thái Quốc	10/12/1992	02		20	8/5	Tám, năm
60	Ngô Đức Quyền	04/5/1992	02		27	8/25	Tám, hai năm
61	Y Bel Rơ Ong	22/03/1987	03		3	8/5	Tám, năm
62	Đặng Hồng Sĩ	03/6/1986	02		21	8/0	Tám
63	Phan Quốc Sơn	24/8/1995	01		103	7/25	Bảy, hai năm
64	Phan Văn Thanh	23/5/1983	02		201	7/5	Bảy, năm
65	Vi Ngọc Thành	01/02/1982	Nghỉ học				
66	Ngô Tất Thành	10/9/1990	01		34	7/0	Bảy
67	Hồ Hữu Thịnh	06/10/1985	02		61	8/0	Tám
68	Bùi Văn Thúc	14/02/1987	02		66	8/0	Tám
69	Trần Văn Thương	11/12/1985	02		28	8/0	Tám
70	Lê Quang Tỉnh	18/12/1981	Nghỉ học				
71	Nguyễn Tiên Trà	28/02/1995	02		12	7/75	Bảy, bảy năm

Sbd	Họ và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	
72	Trịnh Công	Trình	15/3/1985	02		56	7125	Bảy, hai năm	
73	Đỗ Tấn	Trình	10/6/1986	01		50	710	Bảy	
74	Nguyễn Thành	Trung	30/11/1990	02		24	810	Tam	
75	Nguyễn Thành	Trung	25/02/1991	02		29	7175	Bảy, bảy năm	
76	Hoàng Văn	Tuấn	16/03/1991	Không học môn này					
77	Nguyễn Xuân	Tường	16/6/1986	02		10	8125	Tam, hai năm	
78	Hà Văn	Tuyền	02/5/1983	02		68	705	Bảy, năm	
79	Nguyễn Đình	Tý	05/9/1987	02		64	7175	Bảy, bảy năm	
80	Nguyễn Hoàng Thanh Vân		10/12/1994						
81	Nay	Vinh	20/11/1991	02		29	8175	Tam, bảy năm	
82	Trịnh Quang	Vũ	04/9/1997	02		52	715	Bảy, năm	
83	Vũ Minh	Vương	16/02/1994	02		23	8125	Tam, hai năm	

Tổng số 131 tờ / 73 bài

GIÁM THỊ 1

[Signature]
R. Lam Nguyệt

Ngày 09 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Sĩlong

GIÁM THỊ 2

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh

Ngày 07 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh



[Signature]
Nguyễn Văn Sĩlong

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

[Signature]
Nguyễn Hoài Thu

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Lê杜鹃 Hà